



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Sách Đại học - Dạy nghề

Ngày 30/06/2025	18,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-

DT thuần Q2/25
2.90
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.20 70.5%
YoY: ▲ 0.98 50.9%

LN thuần Q2/25
-0.22
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 0.12 -116%
YoY: ▲ 0.18 45.9%

LN sau thuế Q2/25
-0.22
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 0.12 -116%
YoY: ▲ 0.17 44.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
-7.5%
YoY: +/- ▼ 1.7%

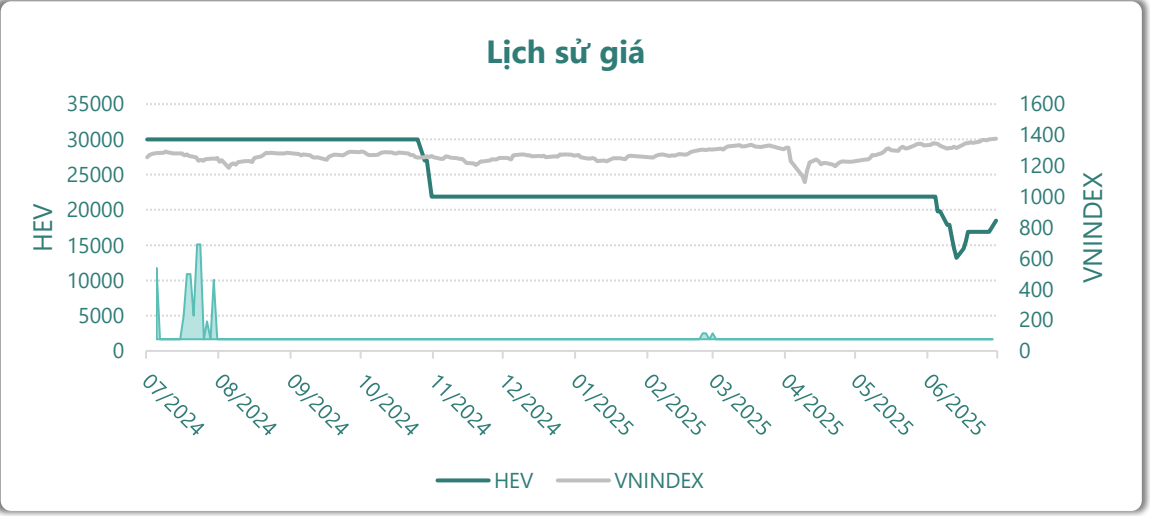
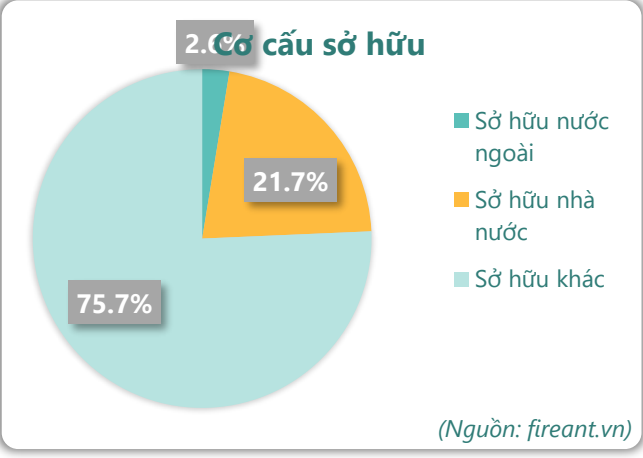
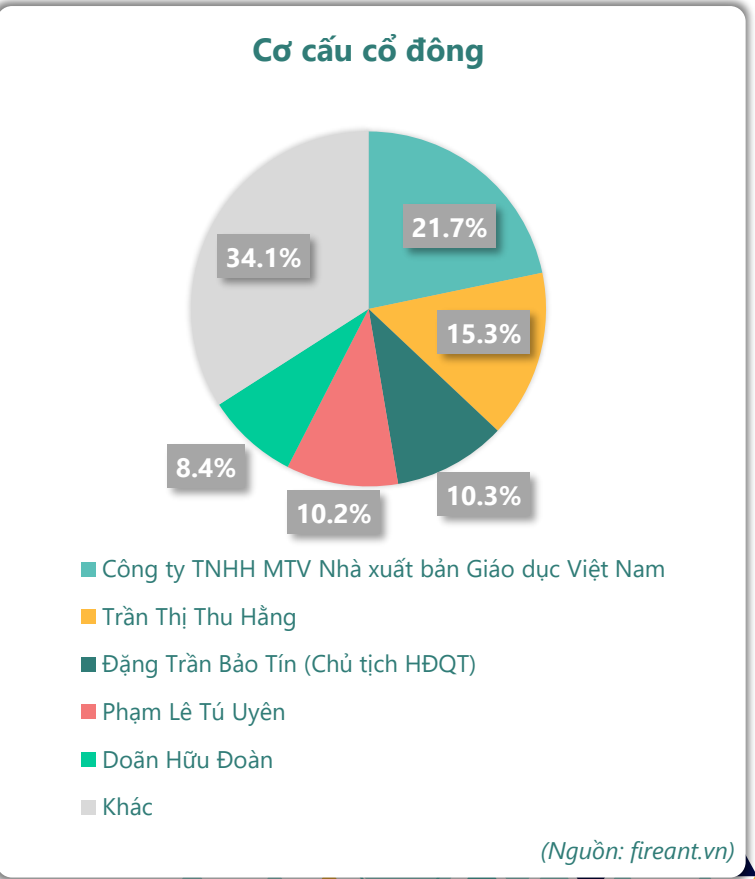
ROE (TTM) Q2/25
3.0%
YoY: +/- ▲ 1.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	13,200 - 30,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	19
Số lượng CPLH (CP)	1,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	435
Sở hữu nước ngoài	2.6%
Beta	0.13
EPS	376
P/E	49.3

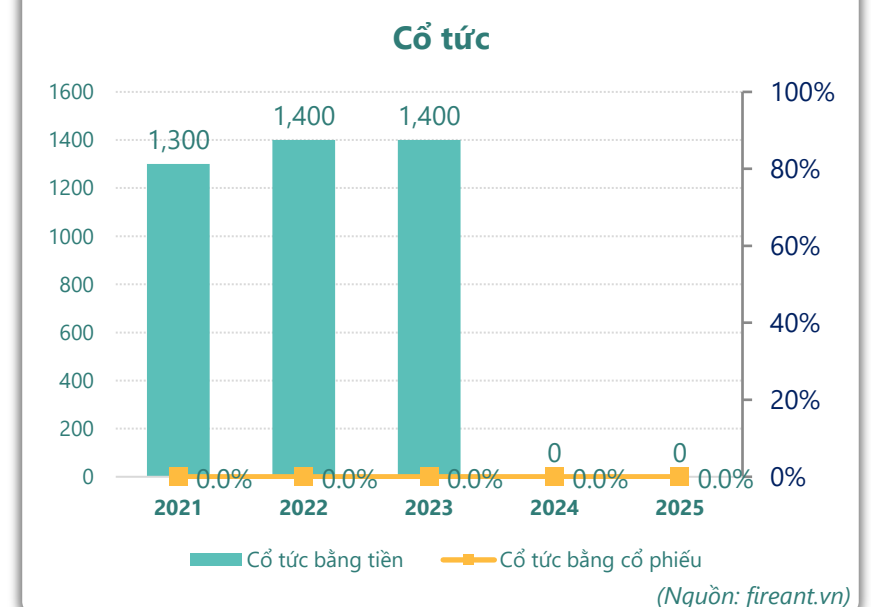
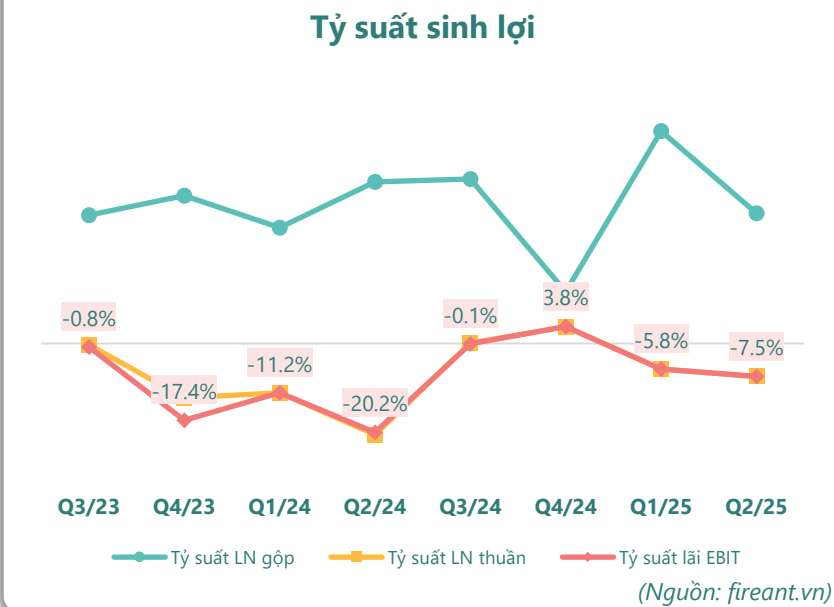
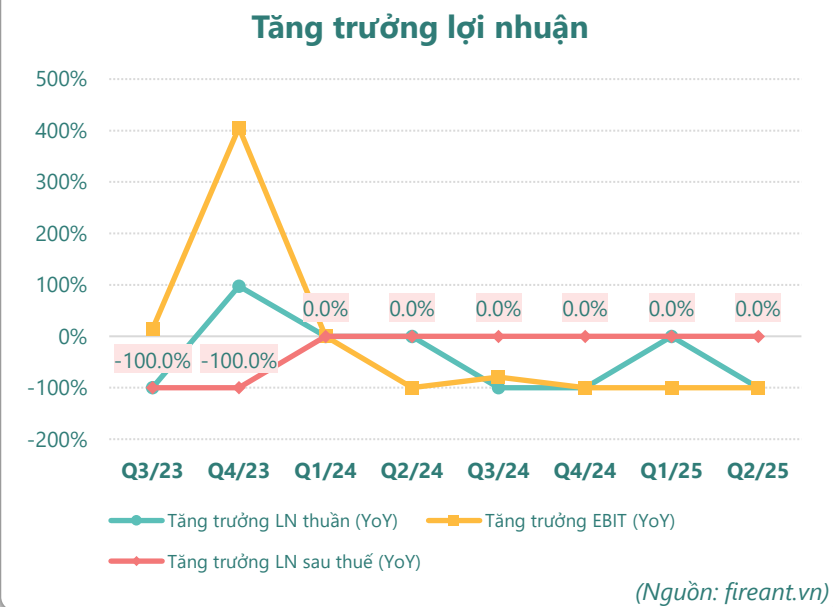
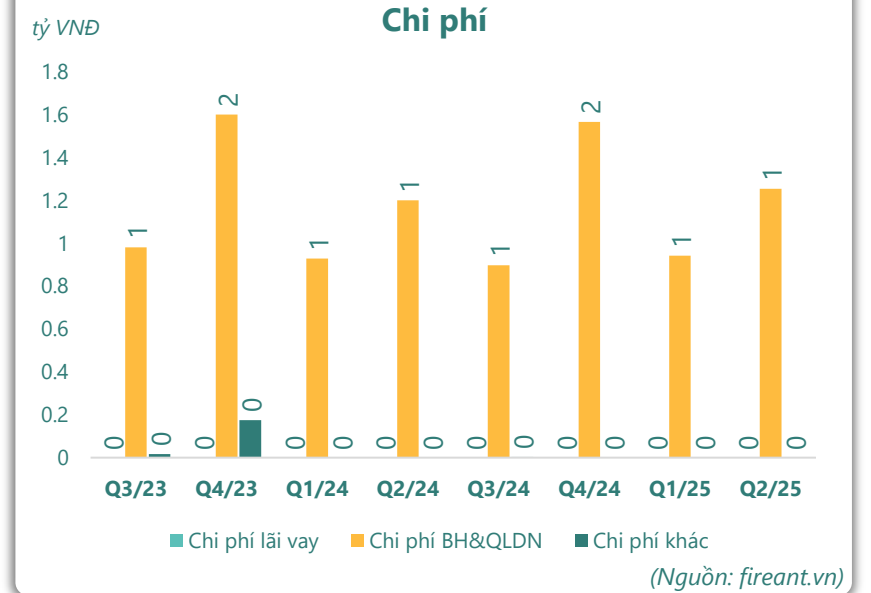
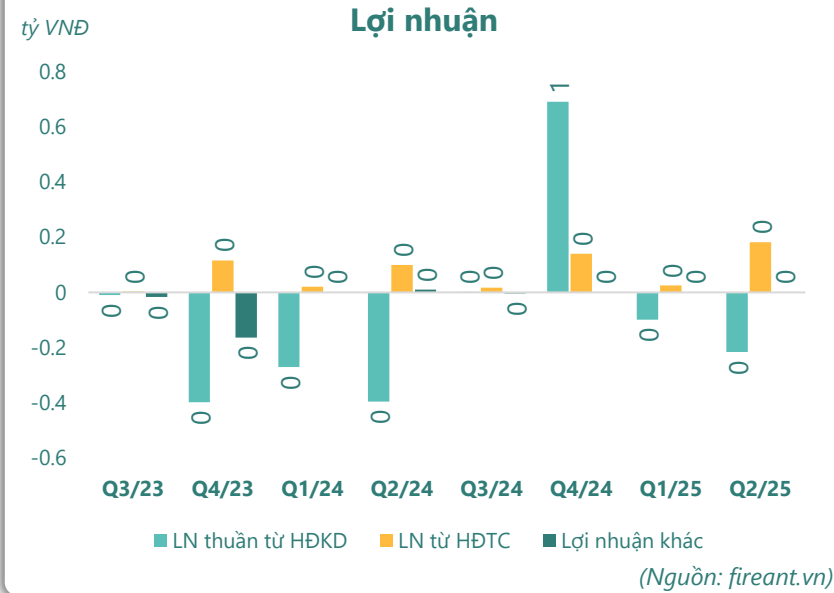
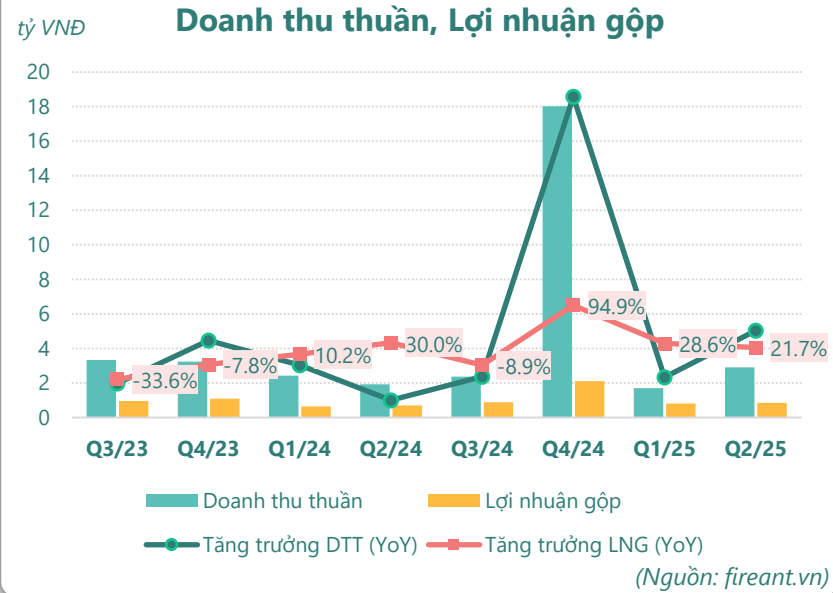
DT thuần 6T 2025
4.60
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.25 5.8%

LN thuần 6T 2025
-0.31
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.36 52.8%

LN sau thuế 6T 2025
-0.31
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.35 52.1%



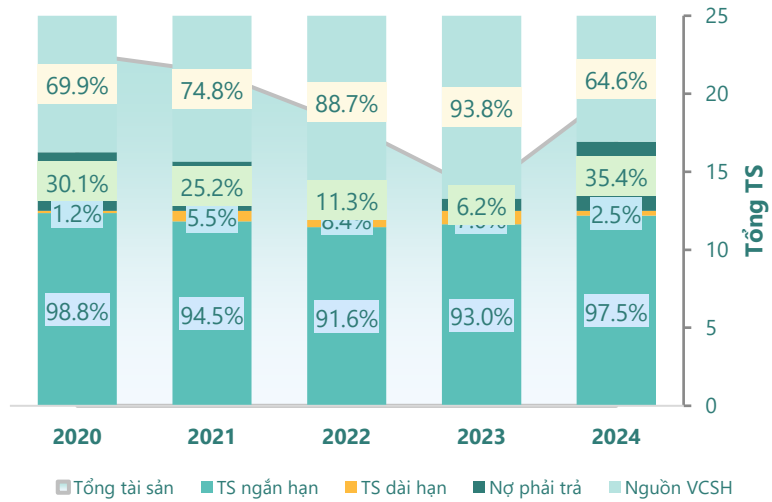
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

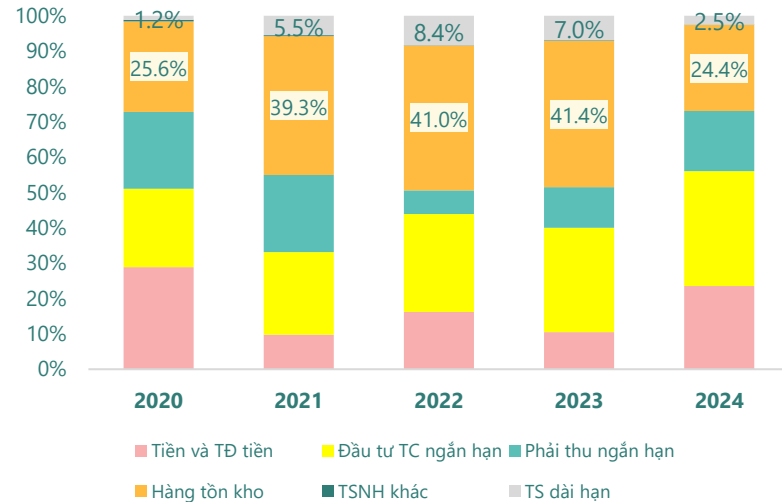
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

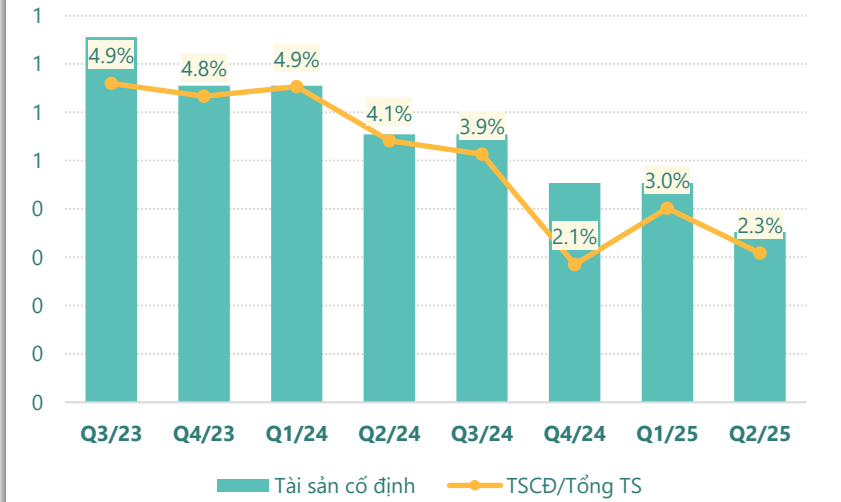
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

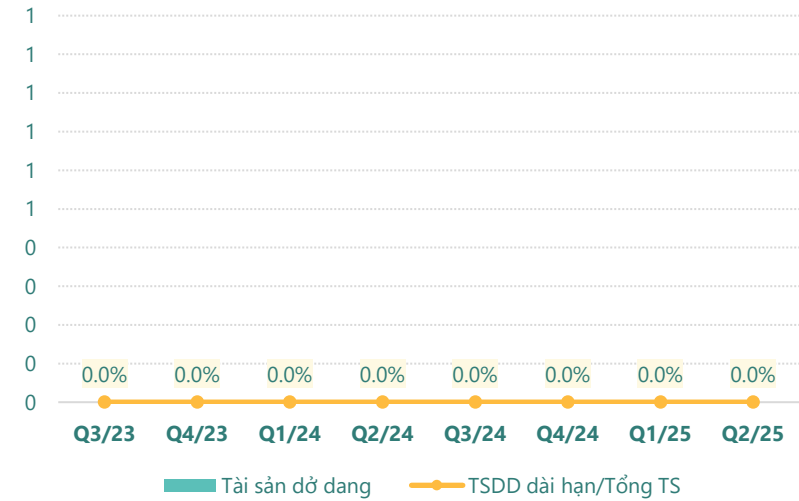
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

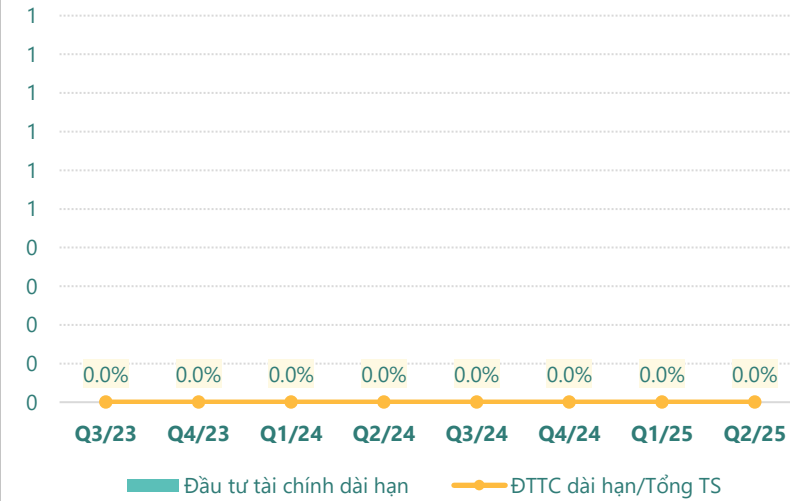
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

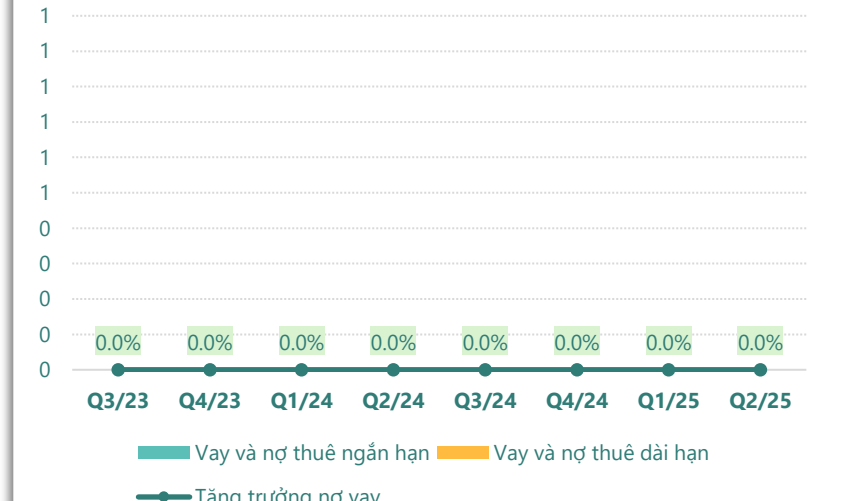
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

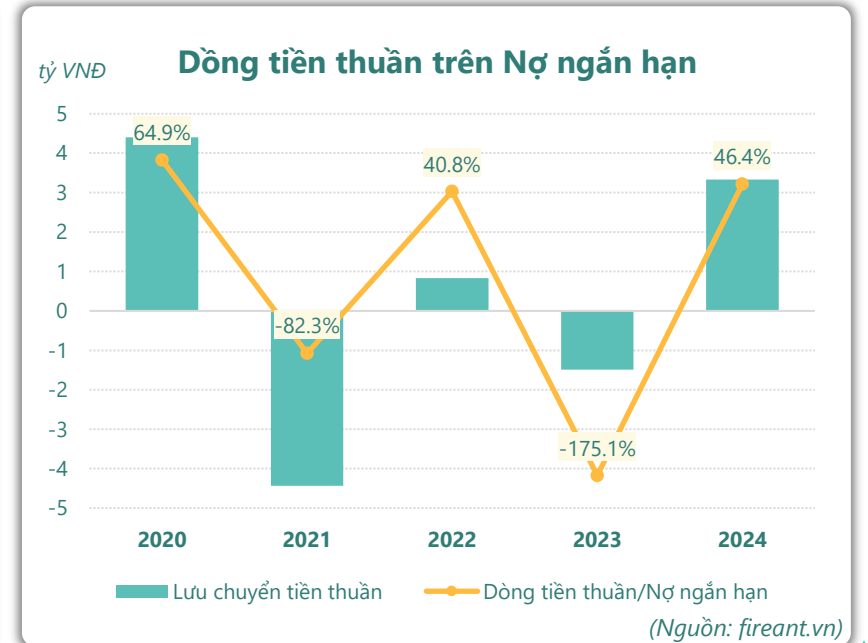
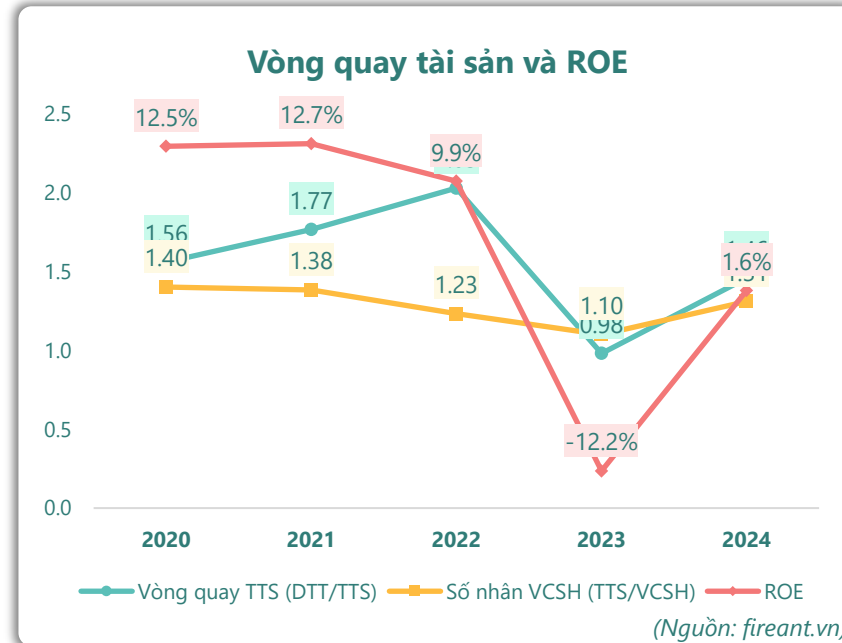
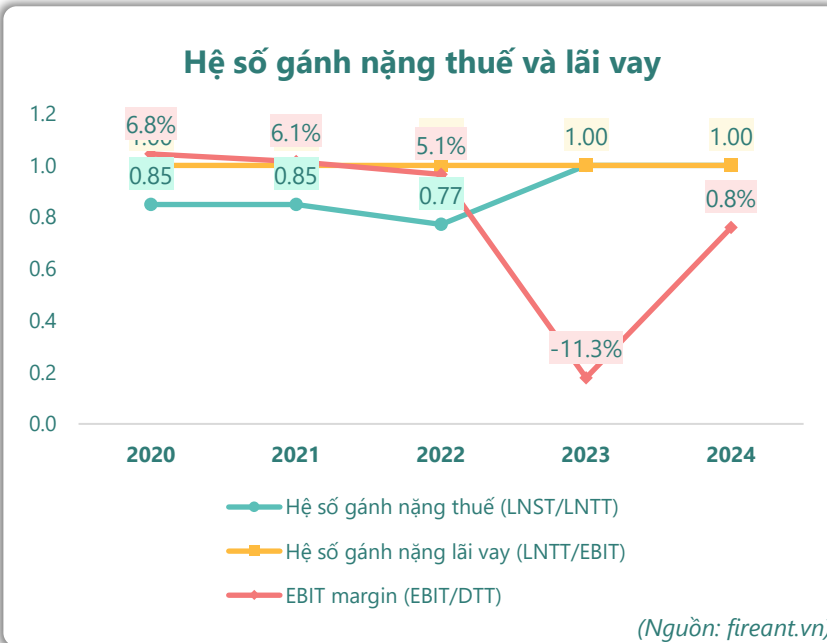
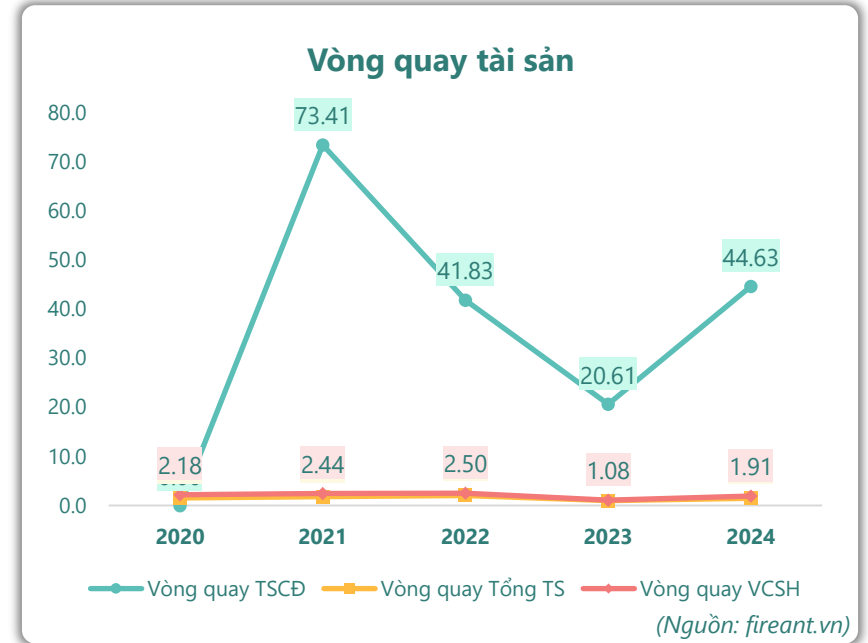
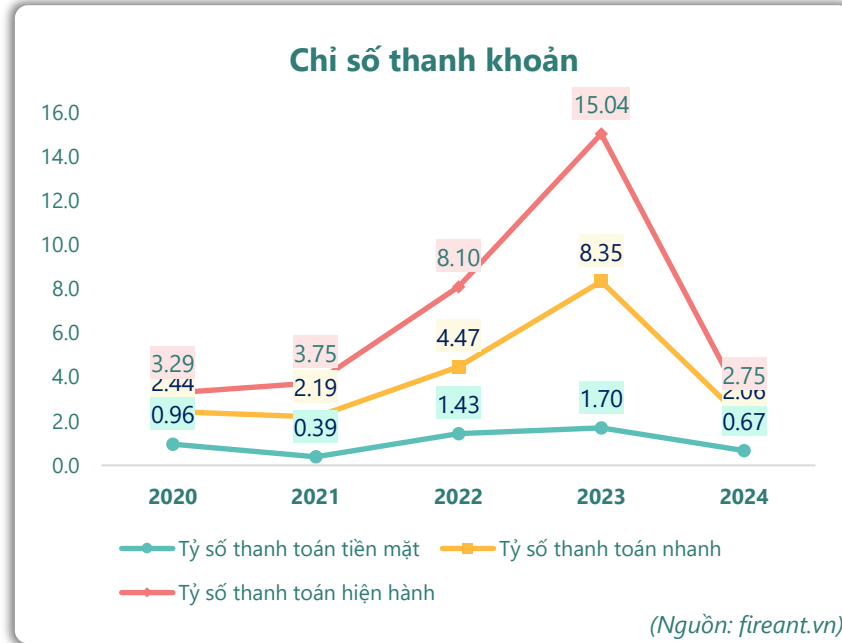
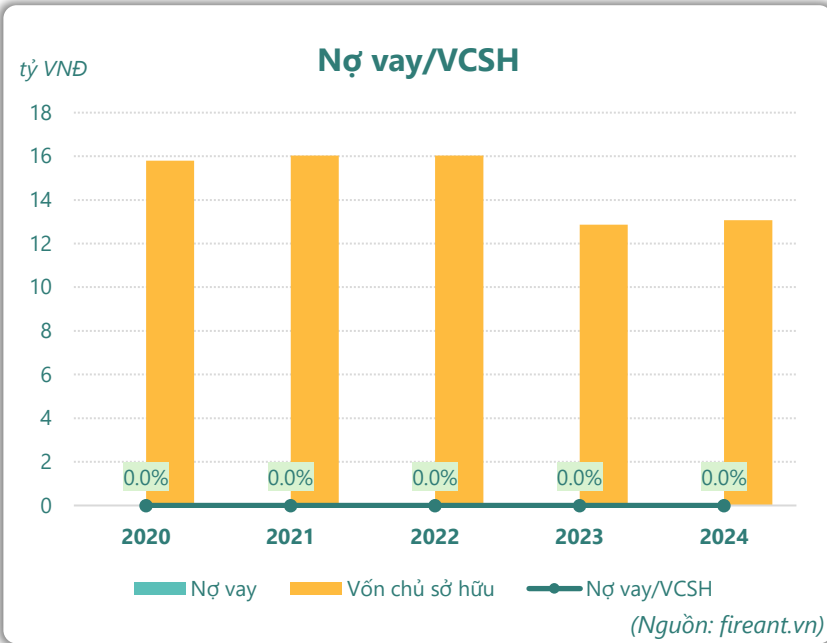
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2.90	1.92	50.9%	4.60	4.35	5.8%
Giá vốn hàng bán	2.04	1.21	68.6%	2.92	3.00	-2.8%
Lợi nhuận gộp	0.86	0.70	22.5%	1.68	1.34	25.0%
Doanh thu HĐTC	0.18	0.10	81.6%	0.21	0.12	72.9%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.36	0.30	18.4%	0.73	0.51	42.7%
Chi phí QLDN	0.90	0.90	0.1%	1.47	1.62	-9.2%
LN thuần từ HĐKD	-0.22	-0.40	45.9%	-0.31	-0.67	52.8%
Lợi nhuận khác	0	0.01	-100%	0	0.01	-100%
LN trước thuế	-0.22	-0.39	44.5%	-0.31	-0.66	52.1%
Lợi nhuận sau thuế	-0.22	-0.39	44.5%	-0.31	-0.66	52.1%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.22	-0.39	44.5%	-0.31	-0.66	52.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.04	0.53	0.98	4.33	-2.92	-0.32
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.43	0.11	-1.59	-4.04	4.37	-4.70
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	1.44	0.97	1.61	1.00	4.77	6.22
Lưu chuyển tiền thuần	-0.48	0.64	-0.61	0.30	1.45	-5.02
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.97	1.61	1.00	1.30	6.22	1.19

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	15.2	20.2	-24.8%
Tài sản ngắn hạn	14.9	19.7	-24.7%
Tiền và tương đương tiền	1.19	4.77	-75.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.08	6.57	7.8%
Phải thu ngắn hạn	1.77	3.44	-48.5%
Hàng tồn kho	4.79	4.94	-3.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.01	92.9%
Tài sản dài hạn	0.38	0.51	-27.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.35	0.45	-22.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.02	0.06	-62.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2.47	7.17	-65.5%
Nợ ngắn hạn	2.47	7.17	-65.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.96	6.45	-69.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	12.8	13.1	-2.4%
Vốn chủ sở hữu	12.8	13.1	-2.4%
Vốn điều lệ	10.0	10.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

